



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.b-t.com.vn

Số: 080CT/2012/BCTC-KTTV

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 2897

Giờ: Ngày 16 tháng 8 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 26 tháng 7 năm 2012, từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ việc chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết để xem xét tính hiện hữu của hàng tồn kho tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2012 và tính hợp lý của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 27.089.466.988 VND; chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Mạnh Trí - Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0089/KTV

TP. Cần Thơ, ngày 14 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

Đơn vị tính: VND

ĐẾN

Số:.....

Giới:.....

Ngày:.....

tháng:.....

năm:.....

CHỈ TIÊU

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	562.821.923.739	623.177.146.186
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	11.457.808.039	41.432.182.278
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	551.364.115.700	581.744.963.908
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	481.115.370.182	555.235.084.925
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.248.745.518	26.509.878.983
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	3.313.621.768	22.323.991.447
7. Chi phí tài chính	22	VL4	37.201.178.866	53.004.593.541
Trong đó: chi phí lãi vay	23		35.169.612.006	40.833.192.630
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	20.759.438.224	29.616.768.134
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	9.235.737.883	13.472.265.151
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.366.012.313	(47.259.756.396)
11. Thu nhập khác	31	VL7	1.191.193.134	51.698.756.312
12. Chi phí khác	32	VL8	1.890.234.203	708.374.835
13. Lợi nhuận khác	40		(699.041.069)	50.990.381.477
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.666.971.244	3.730.625.081
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	677.786.868	1.191.697.716
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL9	12.822.458	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.976.361.918	2.538.927.364
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	376	221

Lê Hồng Lam
Người lập biểuNguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởngBùi Hữu Hiến
Phó Tổng Giám đốc